

TRUNG A HÀM

PHẨM LÂM

107. Kinh Lâm (1)

Tôi nghe như vậy.

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Tỳ-kheo nương vào một khu rừng để ở. Vị ấy nghĩ rằng: ‘Ta nương vào khu rừng này để ở. Hoặc không có chánh niệm sẽ được chánh niệm; tâm chưa định sẽ được định; nếu chưa giải thoát sẽ được giải thoát, các lậu chưa diệt tận sẽ được diệt tận; chưa chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thượng thì sẽ chứng đắc Niết-bàn. Điều người học đạo cần như áo, chăn, uống, ăn, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống, tìm cầu tất cả một cách dễ dàng, không khó khăn’.

“Rồi Tỳ-kheo ấy nương vào khu rừng này để ở. Sau khi nương vào khu rừng này để ở, nếu không có chánh niệm vẫn không được chánh niệm, tâm chưa được định vẫn không được định, chưa giải thoát vẫn không được giải thoát, các lậu chưa hết vẫn không đoạn hết, chưa chứng đắc Niết-bàn vô thượng vẫn chưa chứng đắc Niết-bàn. Những điều người học đạo cần như áo, chăn, uống, ăn, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống, tìm cầu tất cả một cách dễ dàng, không khó khăn, vị Tỳ-kheo ấy nên quán như vậy, ‘Ta xuất gia học đạo không phải vì áo chăn, không phải vì ăn uống, giường chõng, thuốc thang, cũng không phải vì các vật dụng cho đời sống. Nhưng ta nương vào khu rừng này để ở, hoặc không có chánh niệm vẫn không được chánh niệm, tâm chưa định vẫn không được định, chưa giải thoát vẫn không được giải thoát, các lậu chưa hết vẫn không đoạn hết, chưa chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thượng vẫn chưa chứng đắc Niết-bàn. Nhưng những điều người học đạo cần như áo chăn, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống tìm cầu tất cả một cách dễ dàng không khó khăn’.

“Tỳ-kheo ấy đã quán như vậy rồi, phải từ bỏ khu rừng này để đi nơi khác”.

“Tỳ-kheo nương vào một khu rừng để ở. Vị ấy nghĩ rằng: ‘Ta nương vào khu rừng này để ở, hoặc không có chánh niệm sẽ được chánh niệm, tâm chưa được định sẽ được định, chưa giải thoát sẽ được giải thoát, các lậu chưa hết liền được đoạn hết, chưa chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thượng thì liền chứng đắc Niết-bàn. Những điều người học đạo cần như áo chăn, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống tìm cầu tất cả một cách dễ dàng không khó khăn’.

“Rồi Tỳ-kheo ấy nương vào khu rừng này để ở. Sau khi nương vào khu rừng để ở, hoặc không có chánh niệm liền được chánh niệm, tâm chưa định liền được định, chưa giải thoát liền được giải thoát, các lậu chưa hết liền được đoạn hết, chưa chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thượng thì liền chứng đắc Niết-bàn. Những điều người học đạo cần như áo chăn, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống tìm cầu tất cả một cách rất khó khăn, vị Tỳ-kheo ấy nên quán như vậy, ‘Ta xuất gia học đạo không phải vì áo chăn, không phải vì ăn uống, giường chõng, thuốc thang, cũng không phải vì vật dụng cho đời sống. Nhưng ta nương vào khu rừng này để ở, hoặc không có chánh niệm thì liền được chánh niệm, tâm chưa định liền được định, chưa giải thoát liền được giải thoát, các lậu chưa hết liền được đoạn hết, chưa chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thượng thì liền chứng đắc Niết-bàn. Những điều người học đạo cần như áo chăn, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống tìm cầu tất cả một cách rất khó khăn’.

“Tỳ-kheo ấy đã quán như vậy rồi, phải ở lại khu rừng này”.

“Tỳ-kheo nương vào một khu rừng để ở. Vị ấy nghĩ rằng: ‘Ta nương vào khu rừng này để ở, hoặc không có chánh niệm sẽ được chánh niệm, tâm chưa định sẽ được định, chưa giải thoát sẽ được giải thoát, các lậu chưa hết sẽ được đoạn hết, chưa chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thượng thì sẽ chứng đắc Niết-bàn. Những điều người học đạo cần như áo chăn, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống tìm cầu tất cả một cách dễ dàng không khó khăn’.

“Rồi vị Tỳ-kheo ấy nương vào khu rừng này để ở. Sau khi nương vào khu rừng này để ở, hoặc không có chánh niệm vẫn

không có chánh niệm, tâm chưa được định tĩnh vẫn không được định tĩnh, nếu chưa được giải thoát vẫn không được giải thoát, các lậu chưa hết vẫn không đoạn hết, chưa chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thượng vẫn chưa chứng đắc Niết-bàn. Những điều người học đạo cần như áo chăn, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống tìm cầu tất cả một cách rất khó khăn. Vị Tỳ-kheo ấy nên quán như vậy, 'Ta nương vào khu rừng này để ở, hoặc không có chánh niệm vẫn không được chánh niệm, tâm chưa được định tĩnh vẫn không được định tĩnh, nếu chưa giải thoát vẫn không được giải thoát, các lậu chưa hết vẫn không đoạn hết, chưa chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thượng vẫn chưa chứng đắc Niết-bàn. Những điều người học đạo cần như: áo chăn, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống tìm cầu tất cả một cách khó khăn'.

"Tỳ-kheo quán như vậy rồi, phải lập tức từ bỏ khu rừng này ngay trong đêm mà đi, chớ có cùng người cáo biệt".

"Tỳ-kheo nương vào một khu rừng để ở. Vị ấy nghĩ: 'Ta nương vào khu rừng này để ở, hoặc không có chánh niệm liền được chánh niệm, tâm chưa định liền được định, chưa giải thoát liền được giải thoát, các lậu chưa hết liền được đoạn hết, chưa chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thượng thì liền chứng đắc Niết-bàn. Và những điều người học đạo cần như áo chăn, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống tìm cầu tất cả một cách dễ dàng không khó khăn'.

"Rồi Tỳ-kheo ấy nương vào khu rừng này để ở. Đã nương vào khu rừng này để ở, hoặc không có chánh niệm liền được chánh niệm, tâm chưa định liền được định, chưa giải thoát liền được giải thoát, các lậu chưa hết liền được đoạn hết, chưa chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thượng thì liền chứng đắc Niết-bàn. Những điều người học đạo cần như áo chăn, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống tìm cầu tất cả một cách dễ dàng không khó khăn. Tỳ-kheo ấy nên quán như vậy, 'Ta nương vào khu rừng này để ở, hoặc không có chánh niệm liền được chánh niệm, tâm chưa định tĩnh liền được định tĩnh, nếu chưa giải thoát liền được giải thoát, các lậu chưa hết liền được đoạn hết, chưa chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thượng thì liền chứng đắc Niết-bàn. Những điều người học đạo cần như áo chăn, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống tìm cầu tất cả một cách dễ dàng không khó khăn'.

“Tỳ-kheo đã quán như vậy rồi phải nương vào khu rừng này để ở trọn đời cho đến lúc mạng chung.

“Cũng như các trường hợp nương vào khu rừng để ở, cũng vậy, giữa bãi tha ma, giữa thôn ấp hay sống với người khác”.

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

108. Kinh Lâm (2)

Tôi nghe như vậy.

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Tỳ-kheo nương vào khu rừng này để ở. Vị ấy nghĩ rằng: ‘Ta nương vào khu rừng này để ở vì lý tưởng xuất gia học đạo, là muốn thành đạt ý nghĩa của Sa-môn, ý nghĩa này được thành tựu đối với ta. Những điều người học đạo cần như y phục, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống, tìm cầu tất cả một cách dễ dàng không khó khăn’.

“Rồi Tỳ-kheo ấy nương vào khu rừng này để ở. Sau khi nương vào khu rừng này để ở, với lý tưởng xuất gia học đạo là muốn thành đạt ý nghĩa của Sa-môn, nhưng ý nghĩa ấy không được thành đạt đối với ta. Những điều người học đạo cần như áo chăn, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống tìm cầu một cách dễ dàng không khó khăn’. Tỳ-kheo ấy nên quán như vậy, ‘Ta xuất gia học đạo không phải vì áo chăn, không phải vì ăn uống, giường chõng, thuốc thang, cũng không phải vì các vật dụng cho đời sống; nhưng ta nương vào khu rừng này để ở với lý tưởng xuất gia học đạo, là muốn thành đạt ý nghĩa của Sa-môn, ý nghĩa này không được thành đạt đối với ta. Những điều người học đạo cần như áo chăn, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống tìm cầu một cách dễ dàng không khó khăn’. Tỳ-kheo đã quán như vậy rồi, phải từ bỏ khu rừng này để đi nơi khác.

“Tỳ-kheo nương vào một khu rừng để ở, vị ấy nghĩ rằng: ‘Ta nương vào một khu rừng để ở với lý tưởng xuất gia học đạo là muốn thành đạt ý nghĩa của Sa-môn, ý nghĩa ấy được thành đạt đối với ta. Những điều người học đạo cần như áo chăn, ăn uống,

giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống tìm cầu một cách dễ dàng không khó khăn’.

“Rồi Tỳ-kheo ấy nương vào khu rừng này để ở. Sau khi nương vào khu rừng này để ở với lý tưởng xuất gia học đạo là muốn thành đạt ý nghĩa của Sa-môn và ý nghĩa ấy được thành đạt đối với ta. Những điều người học đạo cần như áo chẵn, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống, tìm cầu tất cả một cách rất khó khăn, Tỳ-kheo ấy nên quán như thế này: ‘Ta xuất gia học đạo không phải vì áo chẵn, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, cũng không phải vì các vật dụng cho đời sống. Nhưng ta nương vào khu rừng này để ở với lý tưởng xuất gia học đạo là muốn thành đạt ý nghĩa của Sa-môn, ý nghĩa ấy được thành đạt đối với ta. Những điều người học đạo cần như áo chẵn, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống tìm cầu tất cả một cách rất khó khăn’.

“Tỳ-kheo đã quán như vậy rồi phải ở lại khu rừng này.

“Tỳ-kheo nương vào một khu rừng để ở, vị ấy nghĩ rằng: ‘Ta nương vào khu rừng này để ở với lý tưởng xuất gia học đạo là thành đạt ý nghĩa của Sa-môn, ý nghĩa ấy được thành đạt đối với ta. Những điều người học đạo cần như áo chẵn, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống tìm cầu tất cả một cách dễ dàng không khó khăn’.

“Rồi vị ấy nương vào khu rừng này để ở. Sau khi nương vào khu rừng này để ở với lý tưởng xuất gia học đạo là muốn thành đạt ý nghĩa của Sa-môn, nhưng ý nghĩa ấy không thành đạt đối với ta. Những điều người học đạo cần như áo chẵn, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống tìm cầu tất cả một cách khó khăn, vị Tỳ-kheo ấy nên quán như thế này: ‘Ta nương vào khu rừng này để ở với lý tưởng xuất gia học đạo là thành đạt ý nghĩa của Sa-môn, ý nghĩa ấy được thành đạt đối với ta. Những điều người học đạo cần như áo chẵn, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống tìm cầu tất cả một cách rất khó khăn’.

“Tỳ-kheo đã quán như vậy rồi phải lập tức từ bỏ khu rừng này ngay giữa đêm mà đi, chớ có cùng người cáo biệt.

“Tỳ-kheo nương vào một khu rừng để ở, vị ấy nghĩ rằng: ‘Ta nương vào khu rừng này để ở với lý tưởng xuất gia học đạo là thành đạt ý nghĩa của Sa-môn, ý nghĩa ấy được thành đạt đối với

ta. Những điều người học đạo cần như: áo chăn, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống tìm cầu tất cả một cách dễ dàng không khó khăn’.

“Rồi vị Tỳ-kheo ấy nương vào khu rừng này để ở. Sau khi nương vào khu rừng này để ở với lý tưởng xuất gia học đạo là muốn thành đạt ý nghĩa của Sa-môn, ý nghĩa ấy được thành đạt đối với ta. Những điều người học đạo cần như áo chăn, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống tìm cầu tất cả một cách dễ dàng không khó khăn, vị Tỳ-kheo ấy nên quán như thế này: ‘Ta nương vào khu rừng này để ở với lý tưởng xuất gia học đạo là thành đạt ý nghĩa của Sa-môn, ý nghĩa ấy được thành đạt đối với ta. Những điều người học đạo cần như áo chăn, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống tìm cầu tất cả một cách dễ dàng không khó khăn’.

“Tỳ-kheo đã quán như vậy rồi, phải nương vào khu rừng này để ở trọn đời cho đến lúc mạng chung”.

Cũng như các trường hợp nương vào khu rừng để ở, cũng vậy, giữa bãi tha ma, thôn ấp hay sống với người khác.

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

109. Kinh Tự Quán Tâm (1)

Tôi nghe như vậy.

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu có Tỳ-kheo không thiện xảo quán tâm người khác, hãy thiện xảo tự quán sát tâm của chính mình. Nên học như vậy.

“Thế nào gọi là Tỳ-kheo thiện xảo quán tự tâm? Tỳ-kheo nếu có quán này, chắc chắn được nhiều lợi ích. ‘Phải chăng ta được chỉ của nội tâm, nhưng chưa được quán pháp tối thượng tuệ? Phải chăng ta được quán pháp tối thượng tuệ, nhưng chưa được chỉ nội tâm? Phải chăng ta chưa được chỉ nội tâm, cũng chưa được quán pháp tối thượng tuệ? Phải chăng ta được chỉ nội tâm, cũng được quán pháp tối thượng tuệ?’”

“Nếu Tỳ-kheo sau khi quán, liền biết rằng: ‘Ta được chỉ nội tâm, chưa được quán pháp tối thượng tuệ’. Tỳ-kheo ấy được chỉ nội tâm rồi, hãy nên mong cầu quán pháp tối thượng tuệ. Vị ấy sau đó được chỉ nội tâm và cũng được quán pháp tối thượng tuệ.

“Nếu Tỳ-kheo sau khi quán liền biết rằng: ‘Ta được quán pháp tối thượng tuệ, chưa được chỉ nội tâm’. Tỳ-kheo ấy trụ nơi quán pháp tối thượng tuệ rồi, hãy nên mong cầu nội chỉ tâm tĩnh chỉ. Vị ấy sau đó được quán pháp tối thượng tuệ và cũng được chỉ nội tâm.

“Nếu Tỳ-kheo sau khi quán liền biết rằng: ‘Ta chưa được chỉ nội tâm cũng chưa được tối thượng tuệ’. Như vậy Tỳ-kheo chưa được pháp thiện này; vì muốn được nên phải nhanh chóng tìm cầu phương tiện, học tập tinh cần, chánh niệm, chánh trí, kham nhẫn, đừng để bị thoái chuyển. Ví như người bị lửa đốt cháy đầu, đốt cháy áo, phải nhanh chóng tìm cầu phương tiện cứu đầu, cứu áo. Cũng vậy, Tỳ-kheo chưa được pháp thiện này, vì muốn được nên phải nhanh chóng tìm cầu phương tiện, học tập tinh cần, chánh niệm chánh trí, đừng để bị thoái chuyển. Vị ấy sau đó liền được chỉ nội tâm và cũng được quán pháp tối thượng tuệ.

“Nếu Tỳ-kheo sau khi quán tâm, liền biết rằng: ‘Ta được chỉ nội tâm, cũng được quán pháp tối thượng tuệ’. Tỳ-kheo ấy tạm trú nơi pháp thiện này rồi, hãy nên mong cầu tự thân chứng ngộ Lộ tận trí thông. Vì sao vậy? Ta nói, ‘Không được cất chứa tất cả y, nhưng cũng nói được phép cất chứa tất cả y’.

“Loại y nào mà Ta nói không được cất chứa? Nếu cất chứa y mà tăng trưởng pháp ác bất thiện, suy thoái pháp thiện, loại y như vậy, Ta nói không được cất chứa.

“Loại y nào Ta nói được phép cất chứa? Nếu cất chứa y mà tăng trưởng pháp thiện, suy thoái pháp ác bất thiện, loại y như vậy Ta nói được phép cất chứa”. Cũng như y áo, về uống ăn, giường chõng, thôn ấp, cũng giống như vậy.

“Ta nói, không được quen thân tất cả mọi người, nhưng cũng nói được phép quen thân tất cả mọi người.

“Loại người nào Ta nói không được quen thân? Nếu quen thân người mà tăng trưởng pháp ác bất thiện, suy thoái pháp thiện; người như vậy Ta thuyết giảng không được quen thân.

“Loại người nào Ta nói được phép quen thân? Nếu quen thân người mà tăng trưởng pháp thiện, suy thoái pháp ác bất thiện; người như vậy Ta nói được phép quen thân.

“Vị ấy biết đúng như thật pháp nên tập hành, cũng biết đúng như thật pháp không nên tập hành. Vị ấy biết đúng như thật pháp nên tập hành, pháp không nên tập hành rồi, với pháp không nên tập hành thì không tập hành, với pháp nên tập liền tập hành. Vị ấy không tập hành pháp không nên tập hành, tập hành pháp nên tập hành rồi liền tăng trưởng pháp thiện, suy thoái pháp ác bất thiện.

“Như vậy gọi là Tỳ-kheo thiện xảo quán tự tâm, khéo biết tự tâm, khéo thủ, khéo xả”.

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

110. Kinh Tự Quán Tâm (2)

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu có Tỳ-kheo không thiện xảo quán tâm người khác, hãy thiện xảo tự quán sát tâm của chính mình. Nên học như vậy.

“Thế nào gọi là Tỳ-kheo thiện xảo quán tự tâm? Tỳ-kheo nếu có quán này, chắc chắn được nhiều lợi ích. ‘Ta thường hành tham lam hay thường hành không tham lam? Ta thường hành tâm sân nhuế hay thường hành tâm không sân nhuế? Ta thường hành thù miên triền hay thường hành không thù miên triền? Ta thường hành trạo hối, cống cao hay thường hành không trạo hối, cống cao? Ta thường hành nghi hoặc hay thường hành không nghi hoặc? Ta thường hành thân tránh hay thường hành không thân tránh? Ta thường hành tâm ô uế hay thường hành tâm không ô uế? Ta thường hành tín hay thường hành bất tín? Ta thường hành tinh tấn hay thường hành giải đãi? Ta thường hành suy niệm hay thường hành không suy niệm? Ta thường hành tâm định hay thường hành tâm không định? Ta thường hành ác tuệ hay thường hành không ác tuệ?’

“Nếu Tỳ-kheo khi quán liền biết, ‘Ta thường hành tham lam, tâm sân nhuế, thù miên triền, trạo hối, cống cao, nghi hoặc, thân tránh, tâm ô uế, bất tín, giải đãi, không suy niệm, không tâm định, thường hành ác tuệ’. Tỳ-kheo ấy muốn diệt trừ pháp ác bất thiện này phải nhanh chóng tìm cầu phương tiện, học tập, tinh cần, chánh niệm, chánh trí, kham nhẫn, đừng để bị thoái chuyển.

“Ví như bị lửa đốt cháy đầu, cháy áo, nhanh chóng tìm cầu phương tiện cứu đầu, cứu áo. Cũng vậy, Tỳ-kheo muốn diệt trừ pháp ác bất thiện này phải nhanh chóng tìm cầu phương tiện, học tập, tinh cần, chánh niệm, chánh trí, kham nhẫn, đừng để bị thoái chuyển.

“Nếu Tỳ-kheo khi quán liền biết, ‘Ta thường hành không tham lam, tâm không sân nhuế, không thù miên triền, không trạo hối cống cao, không nghi hoặc, không thân tránh, tâm không ô uế, tín, tinh tấn, suy niệm, định, thường hành không ác tuệ’. Tỳ-kheo ấy trụ nơi pháp thiện này rồi, hãy nên mong cầu tự thân chứng ngộ lậu tận trí thông.

“Vì sao vậy? Ta nói, không được cất chứa tất cả y nhưng cũng nói được quyền cất chứa tất cả y áo. Loại y nào Ta nói không được cất chứa? Nếu cất chứa y áo mà tâm tăng trưởng pháp ác bất thiện, suy thoái pháp thiện, y áo như vậy Ta nói không được cất chứa. Loại y nào Ta nói được quyền cất chứa? Nếu cất chứa y áo mà tăng trưởng pháp thiện, suy thoái pháp ác bất thiện, y áo như vậy Ta nói được quyền cất chứa”. Cũng như y áo, về uống ăn, giường chõng, thôn ấp cũng giống như vậy.

“Ta nói không được quen thân tất cả mọi người, nhưng cũng nói được quen thân tất cả mọi người. Người thế nào mà Ta nói không được quen thân? Nếu quen thân người mà tăng trưởng pháp ác bất thiện, suy thoái pháp thiện, người như vậy Ta nói không được quen thân. Người thế nào mà Ta nói được quyền quen thân? Nếu quen thân người, liền tăng trưởng pháp thiện, suy thoái pháp ác bất thiện, người như vậy Ta nói được quyền quen thân.

“Vị ấy biết đúng như thật pháp nên tập hành, cũng biết đúng như thật pháp không nên tập hành. Vị ấy biết đúng như thật pháp nên tập hành và pháp không nên tập hành rồi, pháp không nên tập hành thì không tập hành, pháp nên tập hành liền tập hành.

Vị ấy không tập hành pháp không nên tập hành, tập hành pháp nên tập hành rồi, liên tăng trưởng pháp thiện, suy thoái pháp ác bất thiện.

“Như vậy gọi là Tỳ-kheo khéo tự quán tâm, khéo tự biết tâm, khéo thủ, khéo xả”.

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

111. Kinh Đạt Phạm Hạnh

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật du hóa tại Câu-lâu-sâu, ở Kiêm-ma-sắt-đàm, một đô ấp của Câu-lâu.

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo rằng:

“Ta sẽ thuyết pháp cho các người nghe, vi diệu ở khởi đầu, vi diệu ở khoảng giữa và vi diệu ở đoạn cuối, có văn, có nghĩa, cụ túc thanh tịnh, hiển hiện phạm hạnh; đó là ‘Đạt phạm hạnh’, có thể diệt tận các lậu. Các thầy hãy lắng nghe, hãy khéo suy niệm.

Bấy giờ các Tỳ-kheo vâng lời dạy, chờ nghe.

Đức Thế Tôn nói:

“Các người hãy biết lậu, nhân sinh của lậu, biết sự hữu báo của lậu, biết sự thăng liệt của lậu, biết sự diệt tận của lậu, biết lậu diệt đạo.

“Các người hãy biết thọ, biết nhân sanh của thọ, biết sự hữu báo của thọ, biết sự thăng liệt của thọ, biết sự diệt tận của thọ, biết thọ diệt đạo.

“Các người hãy biết tưởng, biết nhân sanh của tưởng, biết sự hữu báo của tưởng, biết sự thăng liệt của tưởng, biết sự diệt tận của tưởng, biết tưởng diệt đạo.

“Các người hãy biết dục, biết nhân sanh của dục, biết hữu báo của dục, biết sự thăng liệt của dục, biết sự diệt tận của dục, biết dục diệt đạo.

“Các người hãy biết nghiệp, biết nhân sanh của nghiệp từ đâu sanh, biết hữu báo của nghiệp, biết sự thăng liệt của nghiệp, biết sự diệt tận của nghiệp, biết nghiệp diệt đạo.

“Các người hãy biết khổ, biết nhân sanh của khổ, biết sự hữu báo của khổ, biết sự thăng liệt của khổ, biết sự diệt tận của khổ, biết khổ diệt đạo.

“Thế nào là biết lậu? Biết có ba lậu: dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu. Đó là biết lậu? Thế nào biết nhân sanh của lậu? Biết từ vô minh, nhân vô minh, do đó có lậu. Đó là biết nhân sanh của lậu. Thế nào là biết hữu báo của lậu? Biết bị vô minh trói buộc, bị các lậu rỉ thấm, do nhân duyên đó lãnh thọ quả báo hoặc đến chỗ lành hay đến chỗ ác. Đó là biết lậu có quả báo. Thế nào là biết sự thăng liệt của lậu? Biết có lậu sanh vào địa ngục, có lậu sanh vào súc sanh, có lậu sanh vào ngạ quỷ, có lậu sanh vào cõi trời, hoặc có lậu sanh vào cõi người. Đó là sự thăng liệt của lậu. Thế nào là biết sự diệt tận của lậu? Biết vô minh diệt, lậu liền diệt. Đó là biết lậu diệt tận. Thế nào là biết lậu diệt đạo? Biết Thánh đạo tám chi, từ chánh kiến đến chánh định. Đó là biết lậu diệt đạo. Nếu Tỳ-kheo biết lậu, biết nhân sanh của lậu, biết hữu báo của lậu, biết sự thăng liệt của lậu, biết sự diệt tận của lậu, biết lậu diệt đạo như vậy, đó gọi là đạt phạm hạnh, có thể diệt tận tất cả lậu.

“Thế nào là biết thọ? Biết có ba cảm thọ: cảm thọ lạc, cảm thọ khổ và cảm thọ không khổ không lạc. Đó là biết thọ. Thế nào là biết nhân sanh của thọ? Biết từ xúc, do xúc nên có thọ. Đó là biết nhân sanh của thọ. Thế nào là biết hữu báo của thọ? Biết ái, ái là hữu báo của thọ. Đó là biết hữu báo của thọ. Thế nào là biết sự thăng liệt của thọ? Tỳ-kheo khi thọ nhận cảm thọ lạc, liền biết đang thọ nhận cảm thọ lạc; khi thọ nhận cảm thọ khổ liền biết đang thọ nhận cảm thọ khổ; khi thọ nhận cảm thọ không khổ không lạc, liền biết đang thọ nhận cảm thọ không khổ không lạc. Khi thân thọ nhận cảm thọ lạc, thân thọ nhận cảm thọ khổ, thân thọ nhận cảm thọ không khổ không lạc; khi tâm thọ nhận cảm thọ lạc, tâm thọ nhận cảm thọ khổ, tâm thọ nhận cảm thọ không khổ không lạc. Cảm thọ lạc khi ăn, cảm thọ khổ khi ăn, cảm thọ không khổ không lạc khi không ăn. Cảm thọ lạc khi không ăn, cảm thọ khổ khi không ăn, cảm thọ không khổ không lạc khi không ăn. Cảm thọ lạc khi có dục, cảm thọ khổ khi có dục, cảm thọ không khổ không lạc khi có dục. Cảm thọ lạc khi không có dục, cảm thọ khổ khi không có dục, cảm thọ không khổ không lạc khi không có dục. Đó là biết sự thăng liệt của thọ. Thế nào là biết sự diệt tận của

thọ? Biết xúc diệt, thọ liên diệt. Đó là biết sự diệt tận của thọ. Thế nào là biết thọ diệt đạo? Biết Thánh đạo tám chi, từ chánh kiến cho đến chánh định. Đó là biết thọ diệt đạo. Nếu Tỳ-kheo biết thọ, biết nhân sanh của thọ, biết hữu báo của thọ, biết sự thăng liệt của thọ, biết sự diệt tận của thọ, biết thọ diệt đạo như vậy, đó gọi là đạt phạm hạnh, có thể diệt tận tất cả thọ.

“Thế nào là biết tướng? Biết có bốn tướng: Tỳ-kheo khi có tướng nhỏ cũng biết, tướng lớn cũng biết, tướng vô lượng cũng biết, tướng xứ vô sở hữu cũng biết. Đó là biết tướng. Thế nào là biết nhân sanh của tướng? Biết từ xúc, do xúc nên tướng. Đó là biết nhân sanh của tướng. Thế nào là biết hữu báo của tướng? Biết tuyên thuyết, tùy tướng mà tuyên thuyết. Đó là biết hữu báo của tướng. Thế nào là biết sự thăng liệt của tướng? Biết có tướng tướng về sắc, có tướng tướng về tiếng, có tướng tướng về hương, có tướng tướng về vị, hoặc có tướng tướng về xúc. Đó là biết sự thăng liệt của tướng. Thế nào là biết sự diệt tận của tướng? Biết xúc diệt, tướng liên diệt. Đó là biết sự diệt tận của tướng. Thế nào là biết tướng diệt đạo? Biết Thánh đạo tám chi, từ chánh kiến cho đến chánh định. Đó là biết tướng diệt đạo. Nếu Tỳ-kheo biết tướng, biết nhân sanh của tướng, biết hữu báo của tướng, biết sự thăng liệt của tướng, biết sự diệt tận của tướng, biết tướng diệt đạo như vậy, đó gọi là đạt phạm hạnh, có thể diệt tận tất cả tướng.

“Thế nào là biết dục? Biết dục có năm công đức của dục, khả ái, khả hỷ, mỹ sắc, tương ưng với dục, rất khả lạc. Những gì là năm? Sắc được biết bởi mắt, thanh được biết bởi tai, hương được biết bởi mũi, vị được biết bởi lưỡi, xúc được biết bởi thân, pháp được biết bởi ý. Thế nào là biết nhân sanh của dục? Biết từ xúc, do xúc nên có dục. Đó là biết nhân sanh của dục từ đâu sanh. Thế nào là biết hữu báo của dục? Tùy theo chủng loại dục mà sanh ái lạc, đắm trước rồi trụ vào đó, do nhân duyên đó lãnh thọ quả báo, đến chỗ có phước, đến chỗ phi phước hay chỗ bất động. Đó là biết hữu báo của dục. Thế nào là biết sự thăng liệt của dục? Hoặc có dục ham muốn sắc, hoặc có dục ham muốn tiếng, hoặc có dục ham muốn hương, hoặc có dục ham muốn vị, hoặc có dục ham muốn xúc. Đó là biết sự thăng liệt của dục. Thế nào là biết sự diệt tận của dục? Biết xúc diệt, dục liên diệt. Đó là biết sự diệt tận của dục. Thế nào là biết dục diệt đạo? Biết Thánh đạo tám chi, từ chánh kiến cho đến chánh định. Đó là biết dục diệt đạo.

Nếu Tỳ-kheo biết dục, biết nhân sanh của dục, biết hữu báo của dục, biết sự thăng liệt của dục, biết sự diệt tận của dục, biết dục diệt đạo là như vậy, đó gọi là đạt phạm hạnh, có thể diệt tận tất cả dục.

“Thế nào là biết nghiệp? Biết có hai nghiệp, nghiệp và nghiệp đã tư. Đó là biết nghiệp. Thế nào là biết nhân sanh của nghiệp? Biết từ do xúc nên có nghiệp. Đó là biết nhân sanh của nghiệp. Thế nào là biết hữu báo của nghiệp? Biết nghiệp đen có quả báo đen, nghiệp trắng có quả báo trắng, nghiệp đen trắng có quả báo đen trắng, hoặc nghiệp không đen không trắng thì không có quả báo và nghiệp tận. Đó là biết nghiệp có quả báo. Thế nào là biết sự thăng liệt của nghiệp? Biết có nghiệp sanh vào địa ngục, có nghiệp sanh vào súc sanh, có nghiệp sanh vào ngạ quỷ, có nghiệp sanh vào cõi trời, hoặc có nghiệp sanh vào cõi người. Đó là biết sự thăng liệt của nghiệp. Thế nào là biết sự diệt tận của nghiệp? Biết xúc diệt, nghiệp liền diệt. Đó là biết sự diệt tận của nghiệp. Thế nào là biết nghiệp diệt đạo? Biết Thánh đạo tám chi, từ chánh kiến cho đến chánh định. Đó là biết nghiệp diệt đạo. Nếu Tỳ-kheo biết nghiệp, biết nhân sanh của nghiệp, biết hữu báo của nghiệp, biết sự thăng liệt của nghiệp, biết sự diệt tận của nghiệp, biết nghiệp diệt đạo như vậy, đó gọi là đạt phạm hạnh, có thể diệt tận tất cả nghiệp.

“Thế nào là biết khổ? Biết khổ sanh, khổ già, khổ bệnh, khổ chết, khổ oán tắng hội, khổ ái biệt ly, khổ cầu bất đắc; nói tóm, năm thủ uẩn là khổ. Đó là biết khổ. Thế nào là biết nhân sanh của khổ? Biết từ ái, do ái sanh khổ. Đó là biết nhân sanh của khổ. Thế nào là biết hữu báo của khổ? Biết có khổ diệt hơi chậm, hoặc có khổ diệt hơi nhanh, hoặc có khổ diệt rất chậm, hoặc có khổ diệt rất nhanh. Đó là biết hữu báo của khổ. Thế nào là biết sự thăng liệt của khổ? Đó là biết phàm phu ngu si, không đa văn, không gặp thiện tri thức, không điều ngự thánh pháp, nên khi thân sanh cảm thọ rất khổ, cùng cực khổ, mạng sống muốn tuyệt, phải tìm người cứu chữa ở bên ngoài; hoặc có Sa-môn, Phạm chí thọ trì loại chú một câu, loại chú hai, ba, bốn hay nhiều câu, hoặc thọ trì loại chú một trăm câu thần chú, ‘Vị ấy trị dứt khổ cho ta’, như vậy là nhân mong cầu mà sanh khổ, nhân tập khởi mà sanh khổ. Đó là biết sự thăng liệt của khổ. Thế nào là biết sự diệt tận của khổ? Biết ái diệt, khổ liền diệt. Đó là biết sự diệt tận của khổ. Thế nào là biết khổ diệt đạo? Biết Thánh đạo tám chi, từ chánh

kiến cho đến chánh định. Đó là biết khổ diệt đạo. Nếu Tỳ-kheo biết khổ, biết nhân sanh của khổ, biết hữu báo của khổ, biết sự thẳng liệt của khổ, biết sự diệt tận của khổ, biết khổ diệt đạo như vậy, đó gọi là Đạt phạm hạnh, có thể diệt tận tất cả khổ.”

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

112. Kinh A Nô Ba

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật du hóa tại Bạt-kì-sầu, ở đô ấp A-nô-ba của người Bạt-kì.

Bấy giờ, vào lúc xế trưa, Đức Thế Tôn từ chỗ tĩnh tọa đứng dậy, bước ra khỏi tịnh thất và nói:

“A-nan, Ta và ông hãy đi đến sông A-di-la-hòa-đế để tắm.

Tôn giả A-nan nói:

“Kính vâng”.

Khi ấy, Đức Thế Tôn cùng Tôn giả A-nan đi đến sông A-di-la-hòa-đế, cởi bỏ y phục trên bờ sông rồi xuống nước tắm. Tắm xong, lên bờ, lau mình và mặc y phục vào. Bấy giờ Tôn giả A-nan cầm quạt quạt hầu Phật. Khi ấy, Đức Thế Tôn ngoảnh lại, hỏi:

“A-nan, Đê-bà-đạt-đa vì phóng dật nên sẽ bị đọa lạc rất cực khổ, chắc chắn đến chỗ ác, sanh vào địa ngục, ở đấy trọn kiếp, không thể cứu vớt. A-nan, ông có nghe các Tỳ-kheo nói lại rằng Ta đã xác định Đê-bà-đạt-đa chắc chắn đến chỗ ác, sanh vào địa ngục, ở đấy trọn kiếp, không thể cứu vớt chăng?”

Tôn giả A-nan thưa:

“Quả vậy, lúc bấy giờ có một vị Tỳ-kheo nói với con rằng: ‘Này Tôn giả A-nan, phải chăng Đức Thế Tôn dùng Tha tâm trí biết rõ tâm Đê-bà-đạt-đa nên Ngài xác định rằng Đê-bà-đạt-đa chắc chắn đến chỗ ác, sanh vào địa ngục, ở đấy trọn kiếp, không cứu vớt?’”

Đức Thế Tôn nói:

“A-nan, Tỳ-kheo ấy hoặc nhỏ, hoặc trung, hoặc lớn tuổi, hoặc niên thiếu, đều không hiểu biết. Vì sao vậy? Như Lai đã xác định, nhưng người ấy vẫn còn nghi hoặc. A-nan, Ta không thấy có

những Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Phạm chí hay bất cứ ai khác ở trên đời này từ người đến trời như Ta ghi nhận nhất quyết về Đề-bà-đạt-đa. Vì sao vậy? A-nan, Ta xác định rằng Đề-bà-đạt-đa chắc chắn đến chỗ ác, sanh vào địa ngục, ở đấy trọn kiếp, không thể cứu vớt. A-nan, nếu Ta thấy Đề-bà-đạt-đa có được chút pháp bạch tịnh bằng một sợi lông, Ta đã không xác định rằng Đề-bà-đạt-đa chắc chắn đến chỗ ác, sanh vào địa ngục, ở đấy trọn kiếp, không thể cứu vớt. A-nan, vì Ta không thấy Đề-bà-đạt-đa có được chút pháp bạch tịnh bằng một sợi lông, nên Ta xác định rằng Đề-bà-đạt-đa chắc chắn đến chỗ ác, sanh vào địa ngục, ở đấy trọn kiếp, không thể cứu vớt.

“A-nan, ví như cách thôn nọ không xa, có một hầm phần sâu rộng, có người bị lọt vào đấy, chìm xuống tận đáy. Có người đi đến trông thấy, phát khởi lòng đại từ đại bi, mong muốn cho được sự lợi ích và phước lành, được an ổn, khoái lạc. Người ấy nhìn quanh rồi nói, ‘Người này có chỗ nào như lông, tóc không bị dính phần để ta có thể nắm kéo lên chăng?’ Người ấy nhìn khắp châu thân nhưng không thấy có chỗ nào bằng một sợi lông, một cọng tóc mà không bị dính phần để có thể dùng tay nắm kéo lên được’. Cũng vậy, này A-nan, nếu Ta thấy Đề-bà-đạt-đa có một chút pháp bạch tịnh nào bằng một sợi lông, Ta đã không ghi xác định rằng Đề-bà-đạt-đa chắc chắn đến chỗ ác, sanh vào địa ngục, ở đấy trọn kiếp, không thể cứu vớt. A-nan, vì Ta không thấy Đề-bà-đạt-đa có được chút pháp bạch tịnh nào bằng một sợi lông, nên Ta ghi xác định rằng Đề-bà-đạt-đa chắc chắn đến chỗ ác, sanh vào địa ngục, ở đấy trọn kiếp, không thể cứu vớt.

Khi ấy, Tôn giả A-nan khóc lóc, lấy tay gạt lệ rồi thưa rằng:

“Kính bạch Thế Tôn! Thật là kỳ diệu! Thật là hy hữu! Thế Tôn đã xác định rằng ‘Đề-bà-đạt-đa chắc chắn đến chỗ ác, sanh vào địa ngục, ở đấy trọn kiếp không thể cứu vớt’.”

“Đúng vậy A-nan! Đúng vậy A-nan! Ta xác định rằng Đề-bà-đạt-đa chắc chắn đến chỗ ác, sanh vào địa ngục, ở đấy trọn kiếp, không thể cứu vớt. A-nan, nếu ông được Như Lai thuyết giảng cho nghe về phân biệt Đại nhân căn trí chắc chắn sẽ có tín tâm tối thượng nơi Như Lai mà luôn luôn hoan hỷ”.

Khi ấy, Tôn giả A-nan chấp tay hướng Phật mà bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, nay quả là đúng lúc! Bạch Thiện Thế, nay quả là đúng lúc! Ngưỡng mong Thế Tôn thuyết giảng cho các Tỳ-kheo

nghe về phân biệt Đại nhân căn trí. Các Tỳ-kheo được Thế Tôn thuyết giảng cho nghe sẽ khéo léo thọ trì”.

Đức Thế Tôn nói:

“A-nan, hãy lắng nghe! Hãy khéo tư niệm. Nay Ta sẽ thuyết giảng cho ông nghe về phân biệt Đại nhân căn trí”.

Tôn giả A-nan vâng lời dạy chờ nghe.

Thế Tôn nói:

“A-nan, Như Lai dùng Tha tâm trí quán sát tâm người khác, biết người này thành tựu pháp thiện, cũng thành tựu pháp bất thiện. Sau đó, Như Lai dùng Tha tâm trí quán sát lại tâm người này, biết người này diệt pháp thiện, sanh pháp bất thiện. Người này đã diệt pháp thiện, sanh pháp bất thiện, nhưng thiện căn còn sót lại chưa đoạn tuyệt. Từ thiện căn đó, lại sẽ phát sanh pháp thiện. Như vậy, người này đạt được pháp thanh tịnh.

“A-nan, ví như sáng sớm, mặt trời vừa xuất hiện, bóng tối diệt, ánh sáng sanh. A-nan, ý ông nghĩ sao, mặt trời lên dần cho đến giờ ăn trưa, phải chăng bóng tối đã diệt, ánh sáng đã sanh?

Tôn giả A-nan thưa:

“Bạch Thế Tôn, đúng vậy”.

“Cũng vậy, này A-nan, Như Lai dùng Tha tâm trí quán sát tâm người khác, biết người này thành tựu pháp thiện, cũng thành tựu pháp bất thiện. Sau đó, Như Lai dùng Tha tâm trí quán sát lại tâm người này, biết người này diệt pháp thiện, sanh pháp bất thiện. Người này đã diệt pháp thiện, sanh pháp bất thiện, nhưng thiện căn còn sót lại, chưa đoạn tuyệt. Từ thiện căn đó sẽ lại phát sanh pháp thiện. Như vậy, người này đạt được pháp thanh tịnh.

“A-nan, ví như hạt lúa giống không hư, không vỡ, không mục, không nứt, không bị gió, nắng làm thương tổn, mùa thu được cất giấu kín đáo. Nếu người cư sĩ giỏi, sửa sang khoảnh ruộng tốt rồi vãi hạt giống vào và mưa xuống phải thời, thì này A-nan, ý ông nghĩ sao, hạt giống ấy có dần dần lớn lên được chăng?”

Tôn giả A-nan thưa:

“Bạch Thế Tôn, có thể vậy”.

“Cũng vậy, A-nan, Như Lai dùng Tha tâm trí quán sát tâm người khác, biết người này thành tựu pháp thiện, cũng thành tựu

pháp bất thiện. Sau đó Như Lai dùng Tha tâm trí quán sát tâm người này, biết người này diệt pháp thiện, sanh pháp bất thiện; người này đã diệt pháp thiện, sanh pháp bất thiện, nhưng thiện căn còn sót chưa đoạn tuyệt. Từ thiện căn đó, thiện pháp sẽ lại phát sanh. Như vậy là người này đạt được pháp thanh tịnh. A-nan, đó gọi là Đại nhân căn trí của Như Lai. Như Lai hiểu biết chân chánh về gốc rễ của các pháp như vậy.

“Lại nữa, A-nan, Như Lai dùng Tha tâm trí quán sát tâm người khác, biết người này thành tựu pháp thiện, cũng thành tựu pháp bất thiện. Sau đó Như Lai dùng Tha tâm trí quán sát lại tâm người này, biết người này diệt pháp thiện, sanh pháp bất thiện, thiện căn còn sót chưa đoạn tuyệt, chắc chắn rồi sẽ đoạn tuyệt. Như vậy, người này đi đến pháp suy thoái.

“A-nan, ví như từ lúc xế trưa cho đến khi mặt trời lặn, ánh sáng diệt, bóng tối sanh; A-nan, ý ông nghĩ sao, sau khi mặt trời lặn, phải chăng ánh sáng đã diệt, bóng tối đã sanh?”

Tôn giả A-nan thưa:

“Bạch Thế Tôn, đúng vậy”.

“Cũng vậy, A-nan, Như Lai dùng Tha tâm trí quán sát tâm người khác, biết người này thành tựu pháp thiện, cũng thành tựu pháp bất thiện. Sau đó Như Lai dùng Tha tâm trí quán sát lại tâm người này, biết người này diệt pháp thiện, sanh pháp bất thiện; người này đã diệt pháp thiện, sanh pháp bất thiện, thiện căn còn sót chưa đoạn tuyệt, chắc chắn rồi sẽ đoạn tuyệt. Như vậy, người này đi đến pháp suy thoái”.

“A-nan, ví như hạt lúa giống không hư, không vỡ, không mục, không nứt, không bị gió, nắng làm thương tổn, mùa thu đến được cất giấu kín đáo. Nếu người cư sĩ kia giỏi, sửa sang ruộng tốt rồi vãi hạt giống vào nhưng mưa xuống không phải thời, thì này A-nan, ý ông nghĩ sao, hạt giống này có dần dần lớn lên được không?”

Tôn giả A-nan thưa:

“Bạch Thế Tôn, không thể được”.

“Cũng vậy, này A-nan, Như Lai dùng Tha tâm trí quán sát tâm người khác, biết người này thành tựu pháp thiện, cũng thành tựu pháp bất thiện. Sau đó Như Lai dùng Tha tâm trí quán sát lại tâm người này, biết người này diệt pháp thiện, sanh pháp bất thiện;

người này đã diệt pháp thiện, sanh pháp bất thiện, thiện căn còn sót chưa đoạn tuyệt, chắc chắn rồi sẽ đoạn tuyệt. Như vậy, người này đi đến pháp suy thoái”.

“A-nan, đó gọi là Đại nhân căn trí của Như Lai. Như Lai hiểu biết chân chánh về gốc rễ của các pháp như vậy.

“Lại nữa, này A-nan, Như Lai dùng Tha tâm trí quán sát tâm người khác. Ta không thấy người này có được chút pháp bạch tịnh nào, dù chỉ bằng một sợi lông. Người này một mực chỉ có pháp ác, bất thiện, ô uế, làm gốc rễ cho sự hữu trong tương lai là sự phiền nhiệt, là khổ báo, là nguyên nhân của sanh, già, bệnh, chết. Như vậy, người này khi thân hoại mạng chung, chắc chắn đi đến chỗ ác, sanh vào địa ngục”.

“A-nan, ví như hạt giống không hư, vỡ, mục nát, bị gió nắng làm thương tổn, mùa thu không được cất giấu kín đáo. Nếu người cư sĩ kia không phải là nông phu giỏi, lại không khéo canh tác, gieo hạt giống xuống và mưa không phải thời, thì này A-nan, ý ông nghĩ sao, hạt giống lúa có dần dần lớn lên được chăng?”

Tôn giả A-nan thưa:

“Bạch Thế Tôn, dạ không”.

“Cũng vậy, này A-nan, Như Lai dùng Tha tâm trí quán sát tâm người khác, Ta không thấy người này có được chút pháp bạch tịnh, dù bằng sợi lông. Người này pháp ác bất thiện hoàn toàn đầy đầy, ô uế, làm gốc rễ cho sự hữu trong tương lai, lại phiền nhiệt, khổ báo, nguyên nhân của sanh, già, bệnh, chết. Như vậy, người này khi thân hoại mạng chung, chắc chắn đi đến chỗ ác, sanh vào địa ngục. A-nan, đó gọi là Đại nhân căn trí của Như Lai. Như Lai hiểu biết chân chánh về gốc rễ của các pháp như vậy”.

“Khi ấy Tôn giả A-nan chấp tay hướng Phật mà bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, Thế Tôn đã thuyết giảng về ba hạng người như vậy. Mong Thế Tôn có thể giảng thuyết về ba hạng người khác nữa được chăng?”

Đức Thế Tôn nói:

“Ta có thể nói. Này A-nan, Như Lai dùng Tha tâm trí quán sát tâm người khác, biết người này thành tựu pháp bất thiện, cũng thành tựu pháp thiện. Sau đó, Như Lai dùng Tha tâm trí quán sát lại tâm người này, biết người này diệt pháp bất thiện, sanh pháp

thiện. Người này đã diệt pháp bất thiện, sanh pháp thiện, nhưng bất thiện căn còn sót chưa đoạn tuyệt. Từ bất thiện căn này sẽ lại phát sanh pháp bất thiện. Như vậy, người này đi đến pháp suy thoái.

“A-nan, ví như lửa đốt, khi mới đốt chỉ có một ngọn, có người đẩy cỏ khô thêm rồi chất củi khô lên. Nay A-nan, ý ông nghĩ sao, ngọn lửa kia càng bốc cháy mạnh lên chẳng?”

Tôn giả A-nan thưa:

“Bạch Thế Tôn, quả như vậy”.

“Cũng vậy, nay A-nan, Như Lai dùng Tha tâm trí quán sát tâm người khác, biết người này thành tựu pháp bất thiện, cũng thành tựu pháp thiện. Sau đó, Như Lai dùng Tha tâm trí quán sát lại tâm người này, biết người này diệt pháp bất thiện, sanh pháp thiện. Người này đã được diệt pháp bất thiện, sanh pháp thiện, nhưng bất thiện căn còn sót chưa đoạn tuyệt. Từ bất thiện căn đó sẽ lại phát sanh pháp bất thiện. Như vậy, người này đi đến pháp suy thoái.

“Nay A-nan, đó gọi là Đại nhân căn trí của Như Lai. Như Lai hiểu biết chân chánh về gốc rễ của các pháp như vậy.

“Lại nữa, nay A-nan, Như Lai dùng Tha tâm trí quán sát tâm người khác, biết người này thành tựu pháp bất thiện, cũng thành tựu pháp thiện. Sau đó, Như Lai dùng Tha tâm trí quán sát lại tâm người này, biết người này diệt pháp bất thiện, sanh pháp thiện. Người này đã diệt pháp bất thiện, sanh pháp thiện, nhưng bất thiện căn còn sót chưa đoạn tuyệt, chắc chắn rồi sẽ đoạn tuyệt. Như vậy, người này đạt đến pháp thanh tịnh.

“A-nan, ví như đốt lửa, khi mới đốt chỉ có một ngọn, có người đem cây lửa đang cháy sáng này để trên đất bằng, hoặc để trên đá; nay A-nan, ý ông nghĩ sao, ngọn lửa há càng bốc cháy mạnh lên chẳng?”

Tôn giả A-nan thưa:

“Bạch Thế Tôn, không thể vậy”.

“Cũng vậy, nay A-nan, Như Lai dùng Tha tâm trí quán sát tâm người khác, biết người này thành tựu pháp bất thiện, cũng thành tựu pháp thiện. Sau đó Như Lai dùng Tha tâm trí quán sát lại tâm người này, biết người này diệt pháp bất thiện, sanh pháp thiện.

Người này đã diệt pháp bất thiện, sanh pháp thiện, nhưng bất thiện căn còn sót chưa đoạn tuyệt, chắc chắn rồi sẽ đoạn tuyệt. Như vậy là người này đạt pháp thanh tịnh.

“A-nan, đó gọi là Đại nhân căn trí của Như Lai. Như Lai hiểu biết chân chánh về gốc rễ của các pháp như vậy.

“Lại nữa, này A-nan, Như Lai dùng Tha tâm trí quán sát tâm người khác, Ta không thấy người này có chút hắc nghiệp dù bằng một sợi lông. Người này tuyệt đối chỉ có pháp thiện đầy đây, cùng với lạc, được lạc báo, chắc chắn sanh vào lạc xứ mà được trường thọ. Như vậy, người này ngay trong đời này chắc chắn chứng đắc Niết-bàn.

“A-nan, ví như tro lửa đã tắt từ lâu, đã nguội lạnh, có một người thêm đây củ khô rồi chất củi khô lên; này A-nan, ý ông nghĩ sao, tâm nguội lạnh há có thể bốc cháy được chăng?”

Tôn giả A-nan thưa:

“Bạch Thế Tôn, không thể được”.

“Cũng vậy, này A-nan, Như Lai dùng Tha tâm trí quán sát tâm người khác. Ta không thấy người này có chút hắc nghiệp dù bằng một sợi lông. Người này tuyệt đối chỉ có pháp thiện đầy đây, cùng với lạc, được lạc báo, chắc chắn sanh vào lạc xứ mà được trường thọ. Như vậy, người này ngay trong đời này chắc chắn chứng đắc Niết-bàn. Này A-nan, đó gọi là Đại nhân căn trí của Như Lai. Như Lai hiểu biết chân chánh về gốc rễ của các pháp như vậy.

“A-nan, ba hạng người nói trên kia, hạng người thứ nhất đạt pháp thanh tịnh, hạng người thứ hai đạt pháp suy thoái, hạng người thứ ba khi thân hoại mạng chung chắc chắn đến chỗ ác, sanh vào địa ngục.

“Ba hạng người Ta nói sau này, hạng người thứ nhất đạt pháp suy thoái, hạng người thứ hai đạt pháp thanh tịnh, hạng người thứ ba ngay trong đời này chứng đắc Niết-bàn.

“A-nan, Ta đã giảng thuyết cho ông nghe về Đại nhân căn trí. Như đấng Tôn sư thương yêu đệ tử, phát khởi lòng đại từ đại bi, mong muốn cho được sự lợi ích và phước lành, được an ổn khoái lạc, điều đó Ta đã thực hiện rồi, các người cũng phải tự mình thực hiện. Hãy đến rừng vắng sơn lâm, dưới gốc cây hoặc một chỗ nào yên tĩnh mà thiên tịnh tư duy, chớ nên phóng dật. Hãy chuyên

cần tinh tấn, đừng để về sau phải hối hận. Đó là lời răn dạy của Ta! Đó là lời khuyên bảo của Ta!”

Phật thuyết như vậy. Tôn giả A-nan sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

113. Kinh Chư Pháp Bản

Tôi nghe như vậy.

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thảng, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu có dị đạo đến hỏi các ông ‘Tất cả các pháp lấy gì làm gốc?’ thì các ông nên trả lời họ như thế này: ‘Tất cả các pháp lấy dục làm gốc’.

“Nếu lại hỏi, ‘Lấy gì làm hòa hiệp?’ thì nên đáp như vậy, ‘Lấy xúc làm hòa hiệp’.

“Nếu lại hỏi, ‘Lấy gì làm dẫn khởi?’ thì nên đáp như vậy, ‘Lấy thọ làm dẫn khởi’.

“Nếu lại hỏi, ‘Lấy gì làm hữu?’ thì nên đáp như vậy, ‘Lấy tư tưởng làm hữu’.

“Nếu lại hỏi, ‘Lấy gì làm thượng thủ?’ thì nên đáp như vậy: ‘Lấy niệm làm thượng thủ’.

“Nếu lại hỏi, ‘Lấy gì làm tiên đạo?’ thì nên đáp như vậy, ‘Lấy định làm tiên đạo’.

“Nếu lại hỏi, ‘Lấy gì làm tối thượng?’ thì nên đáp như vậy, ‘Lấy tuệ làm tối thượng.’

“Nếu lại hỏi, ‘Lấy gì làm chắc thật?’ thì nên đáp như vậy, ‘Lấy giải thoát làm chắc thật’.

“Nếu lại hỏi, ‘Lấy gì làm ý nghĩa?’ thì nên đáp như vậy, ‘Lấy Niết-bàn làm ý nghĩa’.

“Tỳ-kheo, đó là, dục là gốc của các pháp, xúc là hòa hiệp của các pháp, thọ là dẫn khởi của các pháp, tư tưởng là hữu của các pháp, niệm là thượng thủ của các pháp, định là tiên đạo của các pháp, tuệ là tối thượng của các pháp, giải thoát là chắc thật của các pháp, và Niết-bàn là ý nghĩa của các pháp. Tỳ-kheo, hãy nên học tập như vậy.

“Tích tập tâm xuất gia học đạo, tích tập tướng vô thường, tích tập tướng vô thường nên khổ, tích tập tướng khổ nên vô ngã, tích tập tướng bất tịnh, tích tập tướng thức ăn ghê tởm, tích tập tướng tất cả thế gian không có gì hoan lạc, tích tập tướng về sự chết.

“Biết sự tốt xấu của thế gian; tâm được tích tập với tướng như vậy. Biết tập hữu của thế gian; tâm được tích tập với tướng như vậy. Biết như thật sự tập khởi, diệt tận, vị ngọt, tai hoạn và sự xuất yếu của thế gian; tâm được tích tập với tướng như vậy. Nếu Tỳ-kheo tích tập được tâm xuất gia học đạo, tích tập được tướng vô thường, tích tập được tướng vô thường nên khổ, tích tập được tướng khổ nên vô ngã, tích tập được tướng bất tịnh, tích tập được tướng thức ăn ghê tởm, tích tập được tướng tất cả thế gian không có gì hoan lạc, tích tập được tướng về sự chết. Biết sự tốt xấu của thế gian; tâm đã được tích tập với tướng như vậy. Biết tập hữu của thế gian; tâm đã được tích tập với tướng như vậy. Biết như thật sự tập khởi, diệt tận, vị ngọt, tai hoạn và sự xuất yếu của thế gian; tâm đã được tích tập với tướng như vậy; đó được gọi là Tỳ-kheo đoạn ái, trừ kết; đã chánh tri, chánh quán các pháp rồi liền được tận cùng sự khổ.

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

114. Kinh Ưu Đà La

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ưu-đà-la La-ma-tử ở trong chúng hội thường nói như vậy, ‘Ta ở trong sanh loại này, quán sát nó, cảm thọ nó mà không biết cội gốc của ung nhọt, nhưng sau đó biết hoàn toàn cội gốc của ung nhọt.’ Ưu-đà-la La-ma-tử không biết tất cả, tự xưng biết tất cả, thật không có giác ngộ tự xưng có giác ngộ. Ưu-đà-la La-ma-tử thấy như vậy, nói như vậy, ‘Nếu có tướng thì đó là bệnh, là ung nhọt, là gai, còn như không có tướng thì đó là kẻ ngu si. Nếu có cái được cảm thọ, thì đó là tính chi, là tối diệu, tức là cho đến phi hữu tướng phi vô tướng xứ’. Ông ấy sau khi ái lạc tự thân,

chấp thủ tự thân, sau đó tu tập cho đến phi hữu tướng phi vô tướng xứ. Khi thân hoại mạng chung sanh vào cõi trời phi hữu tướng phi vô tướng xứ. Sau khi chấm dứt tuổi thọ ở đó, lại đến nhân gian, sanh vào loài chồn.

“Ở đây thầy Tỳ-kheo nói chân chánh, có thể nói như vậy “Ta ở trong sanh loại này, quán sát nó, cảm thọ nó mà không biết cội gốc của ung nhọt, nhưng sau đó biết hoàn toàn cội gốc của ung nhọt’.

“Thế nào là Tỳ-kheo quán sát chân chánh? Tỳ-kheo biết sáu xúc xứ, biết tập, biết diệt, biết vị ngọt, biết tai hoạn và biết sự xuất yếu của chúng; bằng tuệ mà biết một cách như thật. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán sát chân chánh.

“Thế nào là Tỳ-kheo biết cảm thọ? Là Tỳ-kheo biết ba cảm thọ, biết tập, biết diệt, biết vị ngọt, biết tai hoạn và biết sự xuất yếu của chúng; bằng tuệ mà biết một cách như thật. Như vậy gọi là Tỳ-kheo biết cảm thọ.

“Thế nào là Tỳ-kheo không biết cội gốc của ung nhọt, nhưng sau đó biết hoàn toàn cội gốc của ung nhọt? Tỳ-kheo biết hữu ái đã diệt, đã nhổ sạch gốc rễ của nó, khiến không thể sanh lại. Như vậy gọi là Tỳ-kheo không biết cội gốc của ung nhọt, nhưng sau đó biết hoàn toàn cội gốc của ung nhọt.

“Ung nhọt chính là thân này, là sắc thân bốn đại thô phù do cha mẹ sanh ra, được lớn lên nhờ ăn uống, cọ xát với y phục, chăm sóc bằng tắm rửa, là pháp vô thường, là pháp hủy hoại, là pháp tan rã. Như vậy gọi là ung nhọt.

“Cội gốc của ung nhọt là ba ái: dục ái, sắc ái và vô sắc ái. Như vậy gọi là cội gốc của ung nhọt. Tất cả lậu gây ung nhọt là sáu xúc xứ, mắt lậu thấy sắc, tai lậu nghe tiếng, mũi lậu ngửi mùi, lưỡi lậu nếm vị, thân lậu cảm xúc, ý lậu biết các pháp. Như vậy gọi là tất cả lậu gây ung nhọt.

“Này các Tỳ-kheo, Ta đã thuyết giảng cho các người nghe về cội gốc của ung nhọt. Như đấng Tôn sư thương yêu đệ tử, phát khởi lòng đại từ đại bi, mong cho được sự lợi ích và phước lành, được an ổn khoái lạc, điều đó Ta đã thực hiện. Các thầy cũng phải tự mình thực hiện. Hãy đến nơi rừng vắng, sơn lâm, dưới gốc cây hoặc một chỗ nào yên tĩnh mà thiền tọa, tư duy, chớ nên phóng

dật. Hãy chuyên cần tinh tấn, đừng để về sau phải hối hận. Đó là lời răn dạy của Ta! Đó là lời khuyên bảo của Ta!”

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe lời Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

115. Kinh Mật Hoàn Dụ

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật du hóa Thích-ki-sâu, ở tại Ca-duy-la-vệ.

Bấy giờ sau khi đêm tối qua, vào buổi sáng sớm, Đức Thế Tôn đắp y, ôm bát, rửa tay chân, lấy Ni-sư-đàn vắt lên vai, đi đến rừng trúc trong chùa Thích-ca, rồi Ngài đi vào Đại lâm, đến dưới một gốc cây, trải Ni-sư-đàn ngồi kiết già.

Khi ấy, Chấp Trượng Thích chống gậy mà đi, sau bữa cơm trưa, ung dung tìm đến chỗ Phật, cùng nhau chào hỏi, chống gậy đứng trước Đức Phật, rồi hỏi Đức Thế Tôn rằng:

“Sa-môn Cù-đàm, Ngài lấy gì làm tông chỉ? Và thuyết giảng những pháp gì?”

Đức Thế Tôn đáp:

“Này người họ Thích, nếu tất cả chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Phạm chí, từ người đến trời trên thế gian này đều không đấu tranh, tu tập ly dục, thanh tịnh phạm hạnh, lìa bỏ siểm khúc, dứt trừ hối, không đắm trước nơi hữu, phi hữu, cũng không có tưởng. Đó là tông chỉ của Ta. Pháp Ta thuyết giảng cũng như vậy”.

Khi ấy, Chấp Trượng Thích nghe Đức Phật nói, không cho là phải, không cho là trái. Chấp Trượng Thích lắc đầu rồi bỏ đi.

Bấy giờ, sau khi Chấp Trượng Thích bỏ đi không lâu, vào lúc xế, Đức Thế Tôn từ chỗ thiên tọa đứng dậy, đi vào giảng đường, đến trước chúng hội Tỳ-kheo, trải tọa cụ ngồi xuống, rồi nói với các Tỳ-kheo:

“Hôm nay, vào buổi sáng sớm, Ta đắp y, ôm bát vào Ca-duy-la-vệ khất thực. Sau khi ăn xong, Ta thâu y bát, rửa tay chân, lấy Ni-sư-đàn vắt lên vai, đến khóm trúc trong chùa Thích-ca, rồi Ta đi vào Đại lâm ấy, đến dưới một gốc cây, trải Ni-sư-đàn rồi ngồi kiết già. Khi ấy, có Chấp Trượng Thích chống gậy mà đi, sau bữa cơm trưa ung dung tìm đến chỗ Ta, cùng nhau chào hỏi, chống gậy đứng trước mặt Ta rồi hỏi Ta rằng: ‘Sa-môn Cù-đàm, Ngài

lấy gì làm tông chỉ và thuyết giảng những pháp gì?’ Ta đáp, ‘Này người họ Thích, nếu tất cả chư Thiên, Ma, phạm, Sa-môn, Phạm chí, từ người đến trời trên thế gian này đều không đấu tranh, tu tập ly dục, thanh tịnh phạm hạnh, lìa bỏ siểm khúc, dứt trừ hối, không đả trước nơi hữu, phi hữu, cũng không có tưởng. Đó là tông chỉ của Ta. Pháp Ta thuyết giảng cũng như vậy’. Khi ấy Chấp Trưởng Thích nghe Ta nói không cho là phải, cũng không cho là trái. Chấp Trưởng Thích lắc đầu rồi bỏ đi”.

Khi ấy có một Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, trích áo bày vai phải, chấp tay hướng Phật mà bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, sao gọi là tất cả những Thiên, Ma, phạm, Sa-môn, Phạm chí, từ người đến trời trên thế gian này đều không đấu tranh, tu tập ly dục, thanh tịnh phạm hạnh, lìa bỏ siểm khúc, dứt trừ hối, không đả trước nơi hữu, phi hữu, cũng không có tưởng?”

Đức Thế Tôn nói:

“Tỳ-kheo, nếu người đối với tư niệm nhân đó mà xuất gia học đạo, tu tập tư tưởng, và đối với pháp hiện tại, quá khứ và vị lai, mà không ái, không lạc, không đả trước, không trụ, đó gọi là tận cùng sự khổ. Dục sử, nhuế sử, hữu sử, mạn sử, vô minh sử, kiến sử, nghi sử, đấu tranh, tăng tat, siểm nịnh, lừa bịp, nói dối, nói hai lưỡi và vô lượng pháp ác bất thiện khác, đó gọi là tận cùng sự khổ”.

Đức Phật nói như vậy rồi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy đi vào tịnh thất tĩnh tọa.

Khi ấy các Tỳ-kheo liền suy nghĩ rằng: ‘Này chư Hiền, nên biết, Đức Thế Tôn nói nghĩa này một cách vắn tắt, không phân biệt rộng rãi, từ chỗ ngồi đứng dậy, đi vào tịnh thất tĩnh tọa, ‘Nếu người đối với tư niệm nhân đó mà xuất gia học đạo, tu tập tư tưởng, và đối với pháp hiện tại, quá khứ và vị lai, mà không ái, không lạc, không đả trước, không trụ, đó gọi là tận cùng sự khổ. Dục sử, nhuế sử, hữu sử, mạn sử, vô minh sử, kiến sử, nghi sử, đấu tranh, tăng tat, siểm nịnh, lừa bịp, nói dối, nói hai lưỡi và vô lượng pháp ác bất thiện khác, đó gọi là tận cùng sự khổ’.”

Rồi lại suy nghĩ rằng: “Này chư Hiền, ai có thể phân biệt rộng rãi ý nghĩa mà Đức Thế Tôn vừa nói vắn tắt ấy?”

Rồi họ lại suy nghĩ: “Chỉ có Tôn giả Đại Ca-chiên-diên thường được Đức Thế Tôn và các vị Phạm hạnh có trí khen ngợi. Tôn giả Đại Ca-chiên-diên có thể phân biệt rộng rãi ý nghĩa mà Đức Thế Tôn vừa nói vắn tắt ấy. Nay chư Hiền, hãy cùng nhau đi đến chỗ Tôn giả Đại Ca-chiên-diên yêu cầu ngài nói nghĩa này. Nếu được Tôn giả Đại Ca-chiên-diên phân biệt cho thì chúng ta sẽ khéo léo nhận lãnh rồi ghi nhớ”.

Rồi thì các Tỳ-kheo đi đến chỗ của Tôn giả Đại Ca-chiên-diên, cùng nhau chào hỏi rồi ngồi một bên mà bạch rằng:

“Thưa Tôn giả Đại Ca-chiên-diên, nên biết, Đức Thế Tôn nói nghĩa này một cách vắn tắt, không phân biệt rộng rãi, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy đi vào tịnh thất tĩnh tọa. “Tỳ-kheo, nếu người đối với tư niệm nhân đó mà xuất gia học đạo, tu tập tư tưởng, và đối với pháp hiện tại, quá khứ và vị lai, mà không ái, không lạc, không đăm trước, không trụ, đó gọi là tận cùng sự khổ. Dục sử, nhuế sử, hữu sử, mạn sử, vô minh sử, kiến sử, nghi sử, đấu tranh, tăng tật, siểm nịnh, lừa bịp, nói dối, nói hai lưỡi và vô lượng pháp ác bất thiện khác, đó gọi là tận cùng sự khổ’. Chúng tôi liền suy nghĩ rằng: ‘Này chư Hiền, ai có thể phân biệt rộng rãi ý nghĩa mà Đức Thế Tôn vừa nói vắn tắt?’ Rồi chúng tôi lại suy nghĩ: ‘Chỉ có Tôn giả Đại Ca-chiên-diên thường được Đức Thế Tôn và các vị phạm hạnh có trí khen ngợi. Tôn giả Đại Ca-chiên-diên có thể phân biệt rộng rãi ý nghĩa mà Đức Thế Tôn nói vắn tắt ấy. Ngưỡng mong Tôn giả Đại Ca-chiên-diên thương xót mà giảng rộng cho!’”

Bấy giờ Tôn giả Đại Ca-chiên-diên bảo rằng:

“Này chư Hiền, hãy nghe tôi nói ví dụ này. Người có trí tuệ nghe dụ này sẽ hiểu rõ nghĩa lý.

“Này chư Hiền, ví như có người tìm lõi cây. Vì muốn tìm lõi cây nên người ấy cầm búa vào rừng. Người ấy thấy cây đại thọ đã thành rễ, thân, cành, nhánh, lá, hoa và lõi. Người ấy không đụng đến rễ, thân, cành, lõi, mà chỉ đụng đến nhánh và lá. Những điều chư Hiền nói cũng giống như vậy. Đức Thế Tôn đang ở đây mà chư Hiền lại bỏ Ngài đến tôi để hỏi nghĩa này. Vì sao vậy? Nay chư Hiền, nên biết, Đức Thế Tôn là Bạc có mắt, là Bạc có trí. Ngài là Pháp, là Bạc Pháp Chủ, là Pháp tướng, là Bạc nói nghĩa chân đế, hiển hiện tất cả nghĩa. Do đó chư Hiền nên đi đến chỗ Đức Thế Tôn mà hỏi nghĩa này, rằng: ‘Bạch Thế Tôn, điều này là thế

nào? Điều này có nghĩa gì?' Nếu như Đức Thế Tôn có nói gì thì chư Hiền hãy khéo léo nhận lãnh và ghi nhớ".

Bấy giờ các Tỳ-kheo bạch rằng:

"Đúng vậy, thưa Tôn giả Đại Ca-chiên-diên, Đức Thế Tôn là bậc có mắt, là bậc có trí. Ngài là nghĩa, là Pháp, là bậc Pháp chủ, là bậc Pháp tướng, là bậc nói nghĩa chân đế, hiển hiện tất cả nghĩa. Do đó chúng tôi nên đi đến chỗ Đức Thế Tôn mà hỏi nghĩa này, 'Bạch Thế Tôn, điều này là thế nào? Điều này có nghĩa gì?' Nếu như Đức Thế Tôn có nói gì thì chúng tôi khéo léo nhận lãnh rồi ghi nhớ. Nhưng thưa Tôn giả Đại Ca-chiên-diên, Ngài thường được Đức Thế Tôn và các vị phạm hạnh có trí khen ngợi. Tôn giả Đại Ca-chiên-diên có thể phân biệt rộng rãi ý nghĩa mà Đức Thế Tôn vừa nói vắn tắt ấy. Ngưỡng mong Tôn giả Đại Ca-chiên-diên thương xót mà giảng rộng cho".

Tôn giả Đại Ca-chiên-diên bảo các Tỳ-kheo:

"Vậy, này chư Hiền, xin hãy nghe tôi nói".

"Này chư Hiền, duyên nhãn và sắc mà sanh nhãn thức. Ba sự này cùng tụ hội liền có xúc. Do duyên xúc nên có cảm thọ. Có cảm thọ thì có tưởng. Có tưởng thì có tư duy. Có tư duy thì có niệm. Có niệm thì có phân biệt.

"Tỳ-kheo do suy niệm như vậy nên xuất gia học đạo, tu tập tư tưởng, trong đó đối với pháp hiện tại, quá khứ và vị lai không ái, không lạc, không đăm trước, không trụ; đó gọi là tận cùng sự khổ. Dục sử, nhuế sử, hữu sử, mạn sử, vô minh sử, kiến sử, đấu tranh, tăng tật, siểm nịnh, lừa bịp, nói dối, nói hai lưỡi và vô lượng pháp ác bất thiện khác. Đó gọi là tận cùng sự khổ.

"Với tai, mũi, lưỡi, thân cũng vậy. Duyên ý và pháp mà phát sanh ý thức. Ba sự cùng tụ hội liền có xúc. Do duyên xúc nên có cảm thọ. Có cảm thọ thì có tưởng. Có tưởng thì có tư duy. Có tư duy thì có suy niệm. Có suy niệm thì có phân biệt. Tỳ-kheo do niệm ấy mà xuất gia học đạo, tu tập tư tưởng, trong đó đối với pháp hiện tại, quá khứ và vị lai không ái, không lạc, không đăm trước, không trụ. Đó gọi là tận cùng sự khổ. Dục sử, nhuế sử, hữu sử, mạn sử, vô minh sử, kiến sử, đấu tranh, tăng tật, siểm nịnh, lừa bịp, nói dối, nói hai lưỡi và vô lượng pháp ác bất thiện khác. Đó gọi là tận cùng sự khổ.

“Này chư Hiền, Tỳ-kheo trừ con mắt, trừ sắc, trừ nhãn thức mà có xúc, mà giả thiết có xúc, điều này không thể có. Nếu không giả thiết có xúc mà giả thiết có cảm thọ, điều ấy không xảy ra. Nếu không giả thiết cảm thọ mà giả thiết có suy niệm rồi xuất gia học đạo, tu tập tư tưởng, điều này không thể có. Với tai, mũi, lưỡi, thân cũng vậy. Trừ ý, trừ pháp, trừ ý thức mà có xúc, giả thiết có xúc, điều này không thể có. Nếu không giả thiết xúc mà có thọ, giả thiết có thọ, điều này không thể có. Nếu không giả thiết thọ mà giả thiết có suy niệm, rồi xuất gia học đạo, tu tập tư tưởng, điều này không thể có.

“Này chư Hiền, do con mắt, do sắc, do nhãn thức mà có xúc, giả thiết có xúc, điều này có thật. Do giả thiết xúc mà có thọ, giả thiết có thọ, điều này có thật. Do giả thiết thọ mà giả thiết có suy niệm rồi xuất gia học đạo, tu tập tư tưởng, điều này có thật. Do giả thiết thọ mà giả thiết có suy niệm rồi xuất gia học đạo, tu tập tư tưởng, điều này có thật.

“Với tai, mũi, lưỡi, thân cũng vậy. Do ý, do pháp, do ý thức mà có xúc, chủ trương có xúc, điều này có thật. Do chủ trương xúc mà có cảm thọ, giả thiết có cảm thọ, điều này có thật. Do giả thiết có cảm thọ mà giả thiết có suy niệm, rồi xuất gia học đạo, tu tập tư tưởng, điều này có thật.

“Này chư Hiền, Đức Thế Tôn nói nghĩa này một cách vắn tắt, không phân biệt rộng rãi mà từ chỗ ngồi đứng dậy đi vào tịnh thất tĩnh tọa, ‘Tỳ-kheo, nếu người đối với tư niệm nhân đó mà xuất gia học đạo, tu tập tư tưởng, và đối với pháp hiện tại, quá khứ và vị lai, mà không ái, không lạc, không đăm trước, không trụ, đó gọi là tận cùng sự khổ. Dục sử, nhuế sử, hữu sử, mạn sử, vô minh sử, kiến sử, nghi sử, đấu tranh, tăng tật, siểm nịnh, lừa bịp, nói dối, nói hai lưỡi và vô lượng pháp ác bất thiện khác, đó gọi là tận cùng sự khổ’. Đức Thế Tôn nói nghĩa này một cách vắn tắt, không phân biệt rộng rãi. Tôi đã diễn rộng câu ấy, vắn ấy như vậy.

“Này chư Hiền, có thể đi đến chỗ Phật, tường trình lại đây đủ, nếu đúng như nghĩa mà Đức Thế Tôn muốn nói, chư Hiền hãy nhận lãnh và ghi nhớ”.

Khi ấy các Tỳ-kheo nghe những gì Tôn giả Đại Ca-chiên-diên nói, khéo ghi nhớ, tụng đọc, từ chỗ ngồi đứng dậy, nhiễu quanh

Tôn giả Đại Ca-chiên-diên ba vòng rồi đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ, ngồi xuống một bên mà bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, vừa rồi Đức Thế Tôn nói nghĩa này một cách vắn tắt, không phân biệt rộng rãi, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy, đi vào tịnh thất nghỉ ngơi. Tôn giả Đại Ca-chiên-diên đã đem những câu này, văn này mà diễn rộng ra”.

Đức Thế Tôn nghe xong, khen rằng:

“Lành thay! Lành thay! Trong hàng đệ tử của Ta, có vị là bậc có mắt, có trí, có pháp, có nghĩa. Vì sao? Vì khi Tôn sư nói nghĩa này cho họ từ một cách vắn tắt, không phân biệt một cách rộng rãi, mà vị đệ tử kia đã diễn rộng ra những câu ấy, văn ấy. Đúng như những gì Tỳ-kheo Đại Ca-chiên-diên đã nói, các thầy hãy nên nhận lãnh rồi ghi nhớ như vậy. Vì sao vậy? Vì nói, quán nghĩa phải như vậy.

“Này các Tỳ-kheo, ví như có người do đi đến chỗ rừng vắng, trong rừng sâu, giữa những cây cối, bỗng nhiên gặp được bánh mật, vị ấy ăn, thưởng thức vị ngọt; thiện nam tử cũng giống như vậy, ở trong Pháp Luật chân chánh này của Ta, tùy theo những gì được quán sát, vị ấy thưởng thức được vị ngọt của nó. Quán sát con mắt, thưởng thức được vị ngọt. Quán sát tai, mũi, lưỡi, thân, quán sát ý thưởng thức được vị ngọt”.

Bấy giờ Tôn giả A-nan đang cầm quạt hầu Đức Thế Tôn, Tôn giả A-nan liền chấp tay hướng Phật mà bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, Pháp này tên gọi là gì? Chúng con phải phụng trì như thế nào?”

Đức Thế Tôn nói:

“Này A-nan, Pháp này tên là ‘Mật hoàn dụ’, ông hãy nên nhận lãnh và ghi nhớ”.

Khi ấy, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Các người hãy nhận lãnh pháp ‘Mật hoàn dụ’ này, phải thường tụng đọc. Vì sao vậy? Này các Tỳ-kheo, pháp “Mật hoàn dụ” này có pháp, có nghĩa, là gốc của phạm hạnh, dẫn đến trí thông, dẫn đến giác ngộ, đưa đến Niết-bàn. Nếu là thiện nam tử cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo, thì hãy nên khéo léo nhận lãnh, ghi nhớ pháp ‘Mật hoàn dụ’ này”.

Phật thuyết như vậy. Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo sau khi nghe lời Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

116. Kinh Cù Đàm Di

Tôi nghe như vậy.

Một thời Đức Phật du hóa Thích-ki-sâu, tại Ca-duy-la-vệ, vườn Ni-câu-loại, cùng với chúng Đại Tỳ-kheo đồng thọ hạ an cư.

Bấy giờ, Cù-đàm-di Đại Ái đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ sát chân Phật, rồi ngồi qua một bên mà bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, nữ nhân có thể đắc quả Sa-môn thứ tư được chăng? Do nhân duyên này nữ nhân có thể ở trong Pháp Luật chân chánh này chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo được chăng?”

Đức Thế Tôn nói:

“Thôi! Thôi! Cù-đàm-di, người chớ nên nghĩ rằng ‘Nữ nhân có thể ở trong Pháp Luật chân chánh này chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo’. Cù-đàm-di, như vậy mà người đã tự cạo bỏ đầu tóc, khoác áo ca-sa, nguyện suốt đời tịnh tu phạm hạnh!” Khi ấy, Cù-đàm-di Đại Ái bị Phật ngăn cản, cúi đầu đánh lễ sát chân Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi lui ra.

Bấy giờ các Tỳ-kheo khâu vá y của Đức Phật, Đức Thế Tôn ở Thích-ki-sâu không bao lâu, sau khi trải qua ba tháng thọ hạ an cư xong và đã khâu vá y rồi, Ngài khoác y, cầm bát, sửa soạn du hành nhân gian. Cù-đàm-di Đại Ái nghe tin các Tỳ-kheo khâu vá y của Đức Phật, Đức Thế Tôn ở Thích-ki-sâu không bao lâu, sau khi trải qua ba tháng thọ hạ an cư xong và đã khâu vá y rồi, Ngài khoác y, ôm bát, sửa soạn du hành nhân gian. Sau khi nghe tin, bà Cù-đàm-di Đại Ái lại đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ sát chân Phật, rồi ngồi qua một bên mà bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, nữ nhân có thể đắc quả thứ tư được chăng? Do nhân duyên này, nữ nhân có thể ở trong Pháp Luật chân chánh này chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo được chăng?”

Đức Thế Tôn cũng lại nói:

“Thôi! Thôi! Cù-đàm-di, người chớ nên nghĩ rằng ‘Nữ nhân có thể ở trong Pháp Luật chân chánh này chí tín, lìa bỏ gia đình,

sống không gia đình mà học đạo'. Cù-đàm-di, như vậy mà người đã tự cạo bỏ đầu tóc, khoác áo ca-sa, nguyện suốt đời tịnh tu phạm hạnh!"

Khi ấy, Cù-đàm-di Đại Ái bị Phật ngăn cản lần thứ hai, cúi đầu đánh lễ sát chân Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi lui ra.

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn ở Thích-ki-sầu, sau khi trải qua ba tháng thọ hạ an cư xong và đã khâu vá y rồi, Ngài khoác y, ôm bát du hành nhân gian. Cù-đàm-di Đại Ái nghe tin Đức Thế Tôn ở Thích-ki-sầu sau khi trải qua ba tháng thọ hạ an cư xong và đã khâu vá y rồi, Ngài khoác y ôm bát mà du hành nhân gian, Cù-đàm-di Đại Ái liền cùng các lão mẫu Xá-di đi theo sau Phật, tiến dần đến Na-ma-đê, trú tại tinh xá Na-ma-đê Kiên-ni. Khi ấy, Cù-đàm-di Đại Ái lại đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ sát chân Phật rồi ngồi một bên mà bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, nữ nhân có thể đắc quả thứ tư được chăng? Do nhân duyên này, nữ nhân có thể ở trong Pháp Luật chân chánh này chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo được chăng?"

Đức Thế Tôn nói lại lần thứ ba:

"Thôi! Thôi! Cù-đàm-di, người chớ nên nghĩ rằng 'Nữ nhân có thể ở trong Pháp Luật chân chánh này chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo'. Cù-đàm-di, như vậy mà người đã tự cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, nguyện suốt đời tịnh tu phạm hạnh!". Khi ấy, Cù-đàm-di Đại Ái bị Phật ngăn cản lần thứ ba, cúi đầu đánh lễ sát chân Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi lui ra.

Lúc bấy giờ, Cù-đàm-di Đại Ái chân cẳng bết bùn, mình mẩy dính đầy bụi bặm, vô cùng mệt mỏi, đứng ngoài cửa buồn rầu khóc lóc. Tôn giả A-nan trông thấy Cù-đàm-di Đại Ái chân cẳng bết bùn, mình mẩy dính đầy bụi bặm, vô cùng mệt mỏi, đứng ngoài cửa buồn rầu khóc lóc, liền hỏi:

"Cù-đàm-di, vì có gì mà chân cẳng bết bùn, mình mẩy dính đầy bụi bặm, vô cùng mệt mỏi, đứng ngoài cửa buồn rầu khóc lóc như vậy?"

Cù-đàm-di Đại Ái đáp:

"Thưa Tôn giả A-nan, nữ nhân không được ở trong Pháp Luật chân chánh này chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo".

Tôn giả A-nan nói:

“Cù-đàm-di, hãy đứng dậy, để tôi đi đến Đức Phật thưa hỏi việc này cho”.

Cù-đàm-di Đại Ái Đạo bạch:

“Kính vâng, thưa Tôn giả A-nan”.

Rồi Tôn giả A-nan đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ sát chân Phật, chấp tay hướng Phật mà bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, nữ nhân có thể đắc quả thứ tư được chăng? Do nhân duyên này nữ nhân có thể ở trong Pháp Luật chân chánh chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo được chăng?”

Đức Thế Tôn nói:

“Thôi! Thôi! A-nan, người chớ nên nghĩ rằng ‘Nữ nhân có thể ở trong Pháp Luật chân chánh này chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo’. A-nan, nếu cho nữ nhân được ở trong Pháp Luật chân chánh này chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo thì phạm hạnh này sẽ không tồn tại lâu dài. A-nan, ví như gia đình có nhiều người nữ, ít người nam thì gia đình này có được hưng thịnh lâu không?”

“Bạch Thế Tôn, không thể vậy”.

“Cũng vậy, này A-nan, nếu có nữ nhân được ở trong Pháp Luật chân chánh này chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo thì phạm hạnh sẽ không được tồn tại lâu dài.

“A-nan, ví như trong ruộng lúa dế, ruộng lúa tẻ có sanh cỏ uế thì ruộng lúa kia chắc chắn bị hư hại. Cũng vậy, này A-nan, nếu cho nữ nhân được ở trong Pháp Luật chân chánh này chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo thì phạm hạnh này sẽ không được tồn tại lâu dài”.

Tôn giả A-nan lại bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, Cù-đàm-di Đại Ái đã đem lại cho Thế Tôn nhiều lợi ích. Vì sao? Vì sau khi thân mẫu Thế Tôn mất, Cù-đàm-di Đại Ái đã bảo dưỡng Đức Thế Tôn”.

Đức Thế Tôn nói:

“Đúng vậy, A-nan! Đúng vậy, A-nan! Cù-đàm-di Đại Ái đã đem lại cho Ta nhiều lợi ích, đã bảo dưỡng Ta sau khi thân mẫu Ta

mất. Nhưng này A-nan, Ta cũng đem lại cho Cù-đàm-di Đại Ái nhiều lợi ích. Vì sao? Này A-nan, Cù-đàm-di Đại Ái nhờ Ta mà được quy y Phật, quy y Pháp, quy y Chúng Tỳ-kheo, không nghi ngờ ba ngôi tôn quý và Khổ – Tập – Diệt – Đạo, thành tựu tín tâm, phụng trì giới cấm, tu học bác văn, thành tựu hạnh bố thí, được trí tuệ, xa lìa nghiệp sát, đoạn trừ nghiệp sát; xa lìa nghiệp không cho mà lấy, đoạn trừ nghiệp không cho mà lấy; xa lìa nghiệp tà dâm, đoạn trừ nghiệp tà dâm; xa lìa nghiệp nói dối, đoạn trừ nghiệp nói dối; xa lìa nghiệp uống rượu, đoạn trừ nghiệp uống rượu.

“A-nan, nếu có người nhờ người mà được quy y Phật, quy y Pháp, quy y Chúng Tỳ-kheo, không nghi ngờ ba ngôi tôn quý và Khổ -Tập – Diệt – Đạo, thành tựu tín tâm, phụng trì giới cấm, tu học bác văn, thành tựu bố thí, được trí tuệ, xa lìa nghiệp sát, đoạn trừ nghiệp sát; xa lìa nghiệp không cho mà lấy, đoạn trừ nghiệp không cho mà lấy; xa lìa nghiệp tà dâm, đoạn trừ nghiệp tà dâm; xa lìa nghiệp nói dối, đoạn trừ nghiệp nói dối; xa lìa nghiệp uống rượu, đoạn trừ nghiệp uống rượu. Rồi, này A-nan, giả như người này cúng dường người kia y phục, ăn uống, tọa cụ, thuốc thang, các vật dụng cho cuộc sống, cho đến trọn đời, chẳng lẽ nào lại không được đền ơn.

“Này A-nan, Ta vì nữ nhân mà tuyên bố tám pháp tôn sư, nữ nhân không được trái phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời.

“A-nan, ví như người thợ đánh cá và đệ tử của người thợ đánh cá đắp đập ở khoảng nước sâu để giữ nước, không cho chảy ra ngoài; cũng vậy, này A-nan, nay Ta vì nữ nhân mà tuyên bố tám pháp tôn sư, nữ nhân không được trái phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời.

“Tám pháp đó là những gì?

“A-nan, Tỳ-kheo-ni phải cầu thọ giới Cụ túc nơi Tỳ-kheo. A-nan, Ta đã vì nữ nhân mà tuyên bố pháp tôn sư thứ nhất. Nữ nhân không được trái phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời.

“A-nan, Tỳ-kheo-ni cứ mỗi nửa tháng phải đến thọ giáo nơi Tỳ-kheo. A-nan, Ta đã vì nữ nhân mà tuyên bố pháp tôn sư thứ hai. Nữ nhân không được trái phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời.

“A-nan, nếu nơi trụ xứ không có Tỳ-kheo thì Tỳ-kheo-ni không được thọ hạ an cư. A-nan, Ta đã vì nữ nhân mà tuyên bố pháp tôn sư thứ ba. Nữ nhân không được trái phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời.

“A-nan, Tỳ-kheo-ni sau khi thọ hạ an cư phải đối trước hai bộ chúng thỉnh câu chỉ rõ về ba sự kiện, thấy, nghe và nghi. A-nan, Ta đã vì nữ nhân mà tuyên bố pháp tôn sư thứ tư. Nữ nhân không được trái phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời.

“A-nan, nếu Tỳ-kheo không cho phép Tỳ-kheo-ni thưa hỏi thì Tỳ-kheo-ni không được thưa hỏi Tỳ-kheo về Kinh-Luật hoặc A-tỳ-đàm. Nếu cho phép hỏi thì Tỳ-kheo-ni mới được thưa hỏi về Kinh-Luật hoặc A-tỳ-đàm. A-nan, Ta đã vì nữ nhân mà tuyên bố pháp tôn sư thứ năm. Nữ nhân không được trái phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời.

“A-nan, Tỳ-kheo-ni không được nói điều trái phạm của Tỳ-kheo, nhưng Tỳ-kheo được quyền nói điều trái phạm của Tỳ-kheo-ni. A-nan, Ta đã vì nữ nhân mà tuyên bố pháp tôn sư thứ sáu. Nữ nhân không được trái phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời.

“A-nan, Tỳ-kheo-ni nếu phạm Tăng-già-bà-thi-sa thì phải đối trước hai bộ chúng hành bất mạn trong vòng mười lăm ngày. A-nan, Ta đã vì nữ nhân mà tuyên bố pháp tôn sư thứ bảy. Nữ nhân không được trái phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời.

“A-nan, Tỳ-kheo-ni dù đã thọ giới Cụ túc lâu đến một trăm năm, nhưng đối với trước Tỳ-kheo mới thọ giới Cụ túc vẫn phải khiêm cung cúi đầu làm lễ, cung kính chấp tay thưa hỏi. A-nan, Ta đã vì nữ nhân mà tuyên bố pháp tôn sư thứ tám. Nữ nhân không được trái phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời.

“A-nan, Ta đã vì nữ nhân tuyên bố tám pháp tôn sư này, nữ nhân không được trái phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời. A-nan, nếu Cù-đàm-di Đại Ái phụng trì tám pháp tôn sư này thì được ở trong Pháp Luật chân chánh mà xuất gia học đạo, được thọ giới Cụ túc, làm Tỳ-kheo-ni”.

Khi ấy Tôn giả A-nan nghe Đức Phật dạy, khéo léo nhận lãnh và ghi nhớ, cúi đầu đánh lễ sát chân Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi lui ra, đi đến chỗ Cù-đàm-di Đại Ái, nói rằng:

“Cù-đàm-di, nữ nhân đã được phép ở trong Pháp Luật chân chánh này chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo. Cù-đàm-di, Thế Tôn đã vì nữ nhân mà tuyên bố tám pháp tôn sư, nữ nhân không được trái phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời.

“Tám pháp này là những gì?

“Cù-đàm-di, Tỳ-kheo-ni phải cầu thọ giới Cụ túc nơi Tỳ-kheo. Cù-đàm-di, Thế Tôn đã vì nữ nhân mà tuyên bố pháp tôn sư thứ nhất. Nữ nhân không được trái phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời.

“Cù-đàm-di, Tỳ-kheo-ni cứ mỗi nửa tháng phải đến thọ giáo nơi Tỳ-kheo. Cù-đàm-di, Thế Tôn đã vì nữ nhân mà tuyên bố pháp tôn sư thứ hai. Nữ nhân không được trái phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời.

“Cù-đàm-di, nếu nơi trụ xứ không có Tỳ-kheo thì Tỳ-kheo-ni không được thọ hạ an cư. Cù-đàm-di, Thế Tôn đã vì nữ nhân mà tuyên bố pháp tôn sư thứ ba. Nữ nhân không được trái phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời.

“Cù-đàm-di, Tỳ-kheo-ni sau khi thọ hạ an cư phải đối trước hai bộ chúng thỉnh cầu chỉ rõ về ba sự kiện, thấy, nghe và nghĩ. Cù-đàm-di, Thế Tôn đã vì nữ nhân mà tuyên bố pháp tôn sư thứ tư. Nữ nhân không được trái phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời.

“Cù-đàm-di, nếu Tỳ-kheo không cho phép Tỳ-kheo-ni thưa hỏi thì Tỳ-kheo-ni không được thưa hỏi Tỳ-kheo về Kinh-Luật hoặc A-tỳ-đàm. Nếu cho phép hỏi thì Tỳ-kheo-ni mới được thưa hỏi về Kinh -Luật hoặc A-tỳ-đàm. Cù-đàm-di, Thế Tôn đã vì nữ nhân mà tuyên bố pháp tôn sư thứ năm. Nữ nhân không được trái phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời.

“Cù-đàm-di, Tỳ-kheo-ni không được nói điều trái phạm của Tỳ-kheo, nhưng Tỳ-kheo được quyền nói điều trái phạm của Tỳ-kheo-ni. Cù-đàm-di, Thế Tôn đã vì nữ nhân mà tuyên bố pháp tôn sư thứ sáu. Nữ nhân không được trái phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời.

“Cù-đàm-di, Tỳ-kheo-ni nếu phạm Tăng-già-bà-thi-sa thì phải đối trước hai bộ chúng hành bất mạn trong vòng mười lăm ngày. Cù-đàm-di, Thế Tôn đã vì nữ nhân mà tuyên bố pháp tôn

sư thứ bảy. Nữ nhân không được trái phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời.

“Cù-đàm-di, Tỳ-kheo-ni dù đã thọ giới Cụ túc lâu đến một trăm năm, nhưng đối với trước Tỳ-kheo mới thọ giới Cụ túc vẫn phải khiêm cung cúi đầu làm lễ, cung kính chấp tay thưa hỏi. Cù-đàm-di, Thế Tôn đã vì nữ nhân mà tuyên bố pháp tôn sư thứ tám. Nữ nhân không được trái phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời.

“Cù-đàm-di, Thế Tôn đã vì nữ nhân tuyên bố tám pháp tôn sư này, nữ nhân không được trái phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời. Cù-đàm-di, Thế Tôn nói như vậy, ‘Nếu Cù-đàm-di Đại Ái phụng trì tám pháp tôn sư này thì được ở trong Pháp Luật chân chánh mà xuất gia học đạo, được thọ giới Cụ túc, làm Tỳ-kheo-ni’.

Khi ấy, Cù-đàm-di Đại Ái bạch:

“Thưa Tôn giả A-nan, cho phép tôi nói ví dụ này, người trí tuệ nghe dụ này phải hiểu rõ nghĩa lý. Thưa Tôn giả A-nan, giả sử có thiếu nữ Sát-lợi, Phạm chí, Cư sĩ hay Công sư đoan chánh, đẹp đẽ, tắm gội sạch sẽ, lấy hương xoa khắp thân, mặc y phục mới, dung mạo trang sức bằng đủ thứ anh lạc, nếu có người nghĩ tưởng đến thiếu nữ ấy, mong muốn cho được lợi ích và phước lành, được an ổn khoái lạc, liền đem tràng hoa sen xanh, tràng hoa chiêm bặc, tràng hoa Tu-ma-na, tràng hoa Bà-sư, hoặc tràng hoa A-đê-mưu-đa trao tặng thiếu nữ ấy, thiếu nữ ấy vui mừng, hai tay nhận lãnh, đem cài lên đầu mình. Cũng vậy, thưa Tôn giả A-nan, Đức Thế Tôn đã vì nữ nhân mà tuyên bố tám pháp tôn sư này, tôi nguyện suốt đời nhận lãnh phụng trì”.

Bấy giờ Cù-đàm-di Đại Ái ở trong Pháp Luật chân chánh xuất gia học đạo, được thọ giới Cụ túc mà làm Tỳ-kheo-ni.

Cù-đàm-di Đại Ái, về sau trở thành Đại Tỳ-kheo-ni, cùng với các Trưởng lão Thượng tôn Tỳ-kheo-ni, là những vị danh tiếng trong hàng vương giả, tu hành phạm hạnh đã lâu, đồng đi đến chỗ Tôn giả A-nan cúi đầu làm lễ rồi đứng một bên mà bạch rằng:

“Thưa Tôn giả A-nan, nên biết, các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão Thượng tôn này là những vị danh tiếng trong hàng vương giả, tu hành phạm hạnh đã lâu, còn các Tỳ-kheo kia nhỏ tuổi, mới học đạo, xuất gia sau, vào nơi Pháp Luật chân chánh này chưa được bao lâu, mong rằng các thầy Tỳ-kheo ấy đối với các Tỳ-kheo-ni

nên tùy theo lớn nhỏ mà cúi đầu làm lễ, cung kính chấp tay thưa hỏi.

Khi ấy Tôn giả A-nan nói:

“Cù-đàm-di, hãy đứng dậy, để tôi đi đến Đức Phật thưa hỏi việc này”.

Cù-đàm-di Đại Ái Đạo bạch rằng:

“Kính vâng, thưa Tôn giả A-nan!”

Rồi thì Tôn giả A-nan đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ sát chân Phật rồi đứng một bên, chấp tay hướng Phật mà bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, hôm nay Cù-đàm-di Đại Ái cùng các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão Thượng tôn là những vị danh tiếng trong hàng vương giả, tu hành phạm hạnh đã lâu, đồng đi đến chỗ của con, cúi đầu đánh lễ sát chân con rồi đứng qua một bên, chấp tay mà nói với con rằng: ‘Thưa Tôn giả A-nan, các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão Thượng tôn này là những vị danh tiếng trong hàng vương giả, tu hành phạm hạnh đã lâu, còn các thầy Tỳ-kheo nhỏ kia còn nhỏ tuổi, mới học đạo, xuất gia sau, vào nơi Pháp Luật chân chánh này chưa được bao lâu, mong rằng các thầy Tỳ-kheo ấy đối với Tỳ-kheo-ni nên tùy theo lớn nhỏ mà cúi đầu làm lễ, cung kính chấp tay thưa hỏi’”.

Đức Thế Tôn nói:

“Thôi, thôi! A-nan, hãy gìn giữ lời nói này. Hãy thận trọng, chớ có nói điều đó. A-nan, giả sử người hiểu biết như Ta biết thì một câu cũng không nên nói, huống nữa là đã nói như vậy.

“A-nan, ví như nữ nhân không được ở trong Pháp Luật chân chánh, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, học đạo, thì các Phạm chí, cư sĩ sẽ lấy áo trải lên đất mà nói rằng: ‘Thưa Sa-môn tinh tấn, ngài có thể đi lên trên này. Thưa Sa-môn tinh tấn, ngài đã làm việc khó làm, khiến cho chúng tôi được lợi ích, phước lành, an ổn, khoái lạc lâu dài’.

“A-nan, ví như nữ nhân không được Pháp Luật chân chánh, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo thì các Phạm chí, Cư sĩ sẽ đem đầu tóc mình trải lên đất mà nói rằng: ‘Thưa Sa-môn tinh tấn, ngài có thể đi lên trên này. Thưa Sa-môn tinh tấn, ngài đã làm việc khó làm, khiến cho chúng tôi được lợi ích, phước lành, được an ổn, khoái lạc lâu dài’.

“A-nan, ví như nữ nhân không được ở trong Pháp Luật chân chánh này chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo, thì các Phạm chí, cư sĩ nếu trông thấy Sa-môn, hai tay sẽ bưng các thức ăn ra đứng bên đường chờ đợi mà nói rằng: ‘Thưa Tôn giả, xin thọ nhận món ăn này. Có thể mang đi tùy ý thọ dụng để cho chúng tôi được lợi ích phước lành, được an ổn khoái lạc lâu dài’.

“A-nan, ví như nữ nhân không được ở trong Pháp Luật chân chánh này chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo, thì các Phạm chí, cư sĩ nếu trông thấy Sa-môn tinh tấn liên sanh tâm kính mến, dìu đỡ vào nhà, đem các tài vật ra cúng dường Sa-môn tinh tấn mà nói rằng: ‘Thưa Tôn giả, xin thọ nhận tài vật này. Có thể mang đi tùy ý thọ dụng để cho chúng tôi được lợi ích phước lành, được an ổn khoái lạc lâu dài’.

“A-nan, ví như nữ nhân không được ở trong Pháp Luật chân chánh này chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo, thì dù cho mặt trời mặt trăng này có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần, nhưng đối trước đức oai thần của vị Sa-môn tinh tấn vẫn không thể sánh bằng, huống nữa là đối với hàng đệ đạo dở chết ấy!

“A-nan, giả như nữ nhân không được ở trong Pháp Luật chân chánh này chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo thì chánh pháp sẽ tồn tại đến ngàn năm. Thế nhưng, giờ đây đã mất hết một nửa, chỉ còn lại có được năm trăm năm.

“A-nan, có năm việc nữ nhân không làm được. Nếu nói rằng nữ nhân được thành Như Lai, Bạc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, hoặc Chuyển luân vương, Thiên Đế Thích, Ma vương hay Đại Phạm thiên, điều này nhất định không thể có.

“Nhưng có năm việc nam nhân làm được. Nếu nói rằng nam nhân được thành Như Lai, Bạc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, hoặc Chuyển luân vương, Thiên Đế Thích, Ma vương hay Đại Phạm thiên vương, điều này chắc chắn có thật”.

Phật thuyết như vậy. Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.